TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/ 07 /2019
"V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
*Các hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Kim Mỹ.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K- tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Tất Th, sinh năm 1979; ĐKHK & trú tại: xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; ĐKHK: xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Anh Trần Tất Th trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày: Anh và Chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 28/03/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh T tại xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình được thời gian ngắn thì vợ chồng anh chị ra ở riêng. Trong quá trình chung

sống giữa hai vợ chồng đã sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống nên vợ chồng đã sảy ra cãi vã chửi nhau rồi sảy ra mất lòng tin đối với nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ tháng 05/2017, chị M đã tự ý bỏ đi từ đó đến nay anh và chị M không còn tiếp tục chung sống với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn khả năng duy trì cuộc sống chung. Vì vậy anh yêu cầu giải quyết được ly hôn chị M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Tuấn H, sinh ngày 05/12/2011. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, và không yêu cầu chị M đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản: Chị và anh Th tự thỏa thuận với nhau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Chị Nguyễn Thị M trong bản tự khai ngày 28/4/2019: cũng xác nhận điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và diễn biến mâu thuẫn như anh Th trình bày. Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể duy trì cuộc sống chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị M cũng xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Tuấn H, sinh ngày 05/12/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, và yêu cầu anh Th đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Anh và chị M tự thỏa thuận với nhau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của hai anh chị là cháu Trần Tuấn H thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của luật Hôn nhân gia đình, khi được hỏi ý kiến có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

Về tố tụng : Nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự , bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa Anh Trần Tất Th và chị Nguyễn Thị M; giao chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Tuấn H đến khi thành niên; anh Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị M; anh Th phải nộp 300.000^{đ} án phí ly hôn và 300.000đ án phí nuôi con sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Tất Th khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Nguyễn Thị M cư trú tại xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Chị Nguyễn Thị M được Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định sau đó chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Tất Th thì thấy rằng : Anh Th và chị M kết hôn tự nguyện hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận một một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Th thì nguyên nhân là do do bất đồng quan điểm về lối sống nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã chửi nhau rồi sảy ra mất lòng tin đối với nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ tháng 05/2017, chị M đã tự ý bỏ đi từ đó đến nay anh và chị M không còn tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Chị M cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn như anh Th trình bày. Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể duy trì cuộc sống chung; do chị là người theo đạo thiên chúa không cho phép ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh Th và chị M tại UBND xã C và Y nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương hai nơi đều xác nhận vợ chồng anh Th và chị M có mâu thuẫn nên không chung sống cùng nhau từ giữa năm 2017. Quá trình giải quyết chị M không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị M không còn khả năng khắc phục; tình trạng hôn nhân của chị M và anh Th hiện nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của anh Thành ly hôn chị M là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Th và chị M chỉ có 01 con chung là Trần Tuấn H, sinh ngày 05/12/2011; ban đầu cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tại phiên tòa căn cứ vào thực tế con chung đang

được chị Mnuôi dưỡng và nguyện vọng của con chung muốn ỏ với mẹ nên anh Th nhất trí để chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng: HĐXX thấy rằng chị M yêu cầu anh Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nhưng không nêu cụ thể mức cấp dưỡng; tại phiên tòa anh Th cũng nhất trí đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M và đề xuất xin được đóng góp nuôi con chung cùng chị M là 01triệu đồng tháng; xét thấy anh Th là lao động tự do, thu nhập từ lao động tự do của anh chỉ từ 04 đến 05 triệu đồng tháng nên mức đóng góp anh nêu là phù hợp cần chấp nhận buộc anh phải đóng góp nuôi con chung cho chị M là 01triệu đồng tháng.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa Anh Trần Tất Th với chị Nguyễn Thị M.

2/ Giao chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Tuấn H, sinh ngày 05/12/2011 đến khi thành niên. Anh Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Anh Trần Tất Th phải nộp 300.000^{đ} án phí ly hôn và 300.000đ án phí nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2973 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Còn phải nộp tiếp 300.000^{đ} .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C; Y;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh